

# LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

## QUYỂN 79

### Phân Nhiếp Quyết Trạch Địa Bồ Tát

*Đoạn 8:*

Như thế là đã nói về phần Quyết trạch của phẩm công đức.

Hỏi: Như nói về năm thứ vô lượng, tức là Giới Hữu tình vô lượng v.v... Vật tất cả thế giới kia, nên nói là bình đẳng bình đẳng, hay là có sai biệt?

Đáp: Nên nói là có sai biệt.

Các thế giới kia lại có hai thứ:

1. Thanh tịnh.
2. Không thanh tịnh.

Ở trong thế giới thanh tịnh không có các nẻo Na-lạc-ca, Bàn sanh, Ngạ quỷ, cũng không có Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, cũng không có khổ thọ có thể đạt được. Chỉ thuần là Tăng Bồ tát an trụ trong ấy, thế nên gọi là Thế giới thanh tịnh. Bồ tát đã nhập nơi địa thứ ba, do lực tự tại của nguyện nên được thọ sanh nơi thế giới thanh tịnh kia. Thế giới thanh tịnh không có phàm phu, cùng Thanh Văn, độc giác không phải là phàm phu, hoặc Bồ tát phàm phu được sanh nơi ấy.

Hỏi: Nếu không có Bồ tát phàm phu cùng Thanh Văn, độc giác không phải là phàm phu được sanh nơi thế giới ấy, thì do nhân duyên gì, trong giáo pháp của Bồ tát đã nói như vậy: Nếu Bồ tát có ý nguyện đối với thế giới kia, như thế thì tất cả đều được vãng sanh?

Đáp: Vì nhằm hóa độ các chủng loại biếng nhác nơi chúng sanh được hóa độ chưa tích tập thiện căn, nên mật ý nêu bày như thế. Vì sao? Vì các chúng sanh kia do có được sự khuyến gắng như vậy, lúc ấy liền dứt bỏ biếng trễ, ở trong pháp thiện siêng tu Gia hạnh, từ đấy dần dần

có thể sanh nơi thế giới kia, sẽ được pháp tánh. Nên biết đó gọi là Mật ý ở đây.

Lại nữa, Bồ tát dựa nơi bốn thứ Trụ, có thể thành tựu bốn sự. Những gì là bốn Trụ? Đó là:

1. Trụ Cực hoan hỷ.
2. Trụ Giới tăng thượng.
3. Trụ Tâm tăng thượng.
4. Trụ Huệ tăng thượng.

Thế nào là Trụ Cực hoan hỷ? Nghĩa là các Bồ tát theo chỗ an trụ, đã nhập nơi địa ý lạc tăng thượng thanh tịnh, cho đến sẽ an tọa nơi tòa Bồ đề vi diệu, đối với trụ xứ của Tam bảo, không dựa vào ý lạc thanh tịnh của duyên khác.

Thế nào là Trụ Giới tăng thượng? Nghĩa là các Bồ tát, tức ở nơi Trụ Cực hoan hỷ như thế, từ đây trở lên, theo chỗ an trụ, gồm đủ Tánh Thi la, xa lìa hết thảy sự phạm giới do keo kiệt, tiếc lẩn, tức dùng Giới xả viên mãn như vậy, hồi hướng nơi đạo quả Chánh đẳng Bồ đề vô thượng.

Thế nào là Trụ Tâm tăng thượng? Nghĩa là các Bồ tát tức nương nơi Trụ Giới tăng thượng như thế, từ đây trở lên, theo chỗ an trụ, lìa bỏ tham cõi dục, đạt được Tĩnh lực cùng các đẳng chí, trụ an nơi từ bi, đối với các chúng sanh, tùy theo năng lực, luôn chánh hành như thật.

Thế nào là Trụ Huệ tăng thượng? Nghĩa là các Bồ tát tức nương nơi Trụ Tâm tăng thượng như thế, từ đây trở lên, theo chỗ an trụ, dần dần có thể đạt được chỗ thiện xảo của pháp Bồ đề phần, của các đế, của duyên khởi, của Trí của an lập do pháp Bất cộng, vượt quá Trí chứng đắc chung của tất cả Thanh Văn, độc giác.

Ở đây, Trí được an lập do pháp Bất cộng: Tức ở trong Tạng Bồ tát, là Trí ngôn từ của mật ý, là Trí của đế phi an lập, và Trí của đế an lập.

Ở đây, Trí được chứng đắc chung: Nghĩa là Trí được chứng đắc dựa nơi duyên khởi.

Thế nào là dựa nơi bốn Trụ này, có thể thành tựu bốn sự?

Tức là các Bồ tát nương dựa vào Trụ thứ nhất, cho đến sẽ an tọa nơi tòa Bồ đề vi diệu, trọn không từ bỏ tâm đại Bồ đề. Dựa nơi Trụ thứ hai, cho đến sẽ an tọa nơi tòa Bồ đề vi diệu, tự thân của đời vị lai, với tài sản vật báu nơi phẩm thiện, luôn càng tăng trưởng. Dựa vào Trụ thứ ba, vì muốn đem lại lợi ích cho các Hữu tình, nên chuyển các Tĩnh lực, do lực của đại nguyện, sanh trở lại nơi cõi dục, nhưng không bị các phiền não của dục triền làm nhiễm ô. Dựa vào Trụ thứ tư, đối với tất cả pháp,

thông đạt chỗ an lập mà được thiện xảo, vì độ chúng sanh nên phát khởi thệ nguyện, thọ nơi sanh tử. Nhân nơi thệ nguyện này, liền có thể tích tập tư lương rộng lớn. Tức do sự thanh tịnh của Trụ này làm nhân, không chờ nơi Trụ khác, cũng không do sự chỉ dạy trao truyền khuyến bảo khác, mau chóng có thể chứng đắc Diệu Trí của Như lai.

Hỏi: Bồ tát nên nói gì gọi là Khổ?

Đáp: Do chúng sanh bị tổn não là Khổ.

Hỏi: Bồ tát nên nói gì gọi là vui?

Đáp: Chúng sanh được lợi ích là vui.

Hỏi: Bồ tát nên nói là dùng gì gọi để Tác ý?

Đáp: Ngộ nhập biên vực của cảnh giới thuộc đối tượng nhận thức, cùng tạo tất cả sự việc lợi ích cho chúng sanh, dùng làm Tác ý.

Hỏi: Bồ tát nên nói là dùng gì làm Trụ?

Đáp: Dùng không phân biệt làm Trụ.

Lại nữa, Bồ tát lược có bốn chướng thuộc phẩm thượng, nếu không dứt trừ sạch thì trọn không thể hội nhập nơi địa Bồ tát cùng địa tiếp theo. Những gì là bốn thứ chướng? Đó là:

1. Ở trong các Tỳ-nại-da của Bồ tát khởi nhiễm ô, trái phạm
2. Hủy báng diệu pháp tương ứng của đại Thừa.
3. Chưa tích tập thiện căn.
4. Có Tâm nhiễm Ái.

Vì nhằm đối trị bốn chướng như thế, lại có bốn thứ pháp trừ sạch chướng. Đó là:

1. Đối khắp trụ xứ của chư Như lai trong mười phương, thâm tâm khẩn thiết phát lồ sám hối lỗi lầm.

2. Đối khắp tất cả hữu tình trong mười phương, vì nhằm đem lại lợi ích cho họ, nên khuyến thỉnh tất cả Như lai thuyết pháp.

3. Đối khắp tất cả hữu tình trong mười phương, với những công đức họ đã tạo được, đều sanh tùy hỷ.

4. Phàm tất cả thiện căn được sanh khởi, thấy đều hồi hướng nơi đạo quả Chánh đẳng Bồ đề vô thượng.

Lại nữa, Bồ tát đã nhập đại địa, có bốn thứ nạn vi tế, cần được nhận biết khắp về chúng để có thể đoạn trừ các Tùy phiền não. Những gì là bốn? Đó là:

1. Pháp Ái.
2. Tác ý tương ứng với Thanh Văn, Độc giác.
3. Tham đắm vị nơi đẳng chí.
4. Hành nghiệp của các ma.

Ở trong các Tướng, các Tâm hiện có, nếu tán động trôi nổi, nên biết đều là Hành nghiệp của các Ma.

Hỏi: Bồ tát đã nhập địa thứ nhất, nên nói là Tướng gì?

Đáp: Nên nói là vượt quá địa của các phàm phu, đã nhập Chánh tánh ly sanh của Bồ tát. Do đã nhập, nên không gọi là phàm phu. Vượt quá tất cả sự sợ hãi hiện có, đạt được pháp vô thượng chưa từng được, nên thường có thể an trụ nơi Trụ cực hoan hỷ.

Hỏi: Bồ tát đã nhập địa thứ hai, nên nói là Tướng gì?

Đáp: Nên nói là ở trong Tỳ-nại-da, đạt được pháp như thế, tức dứt bỏ tự tánh nơi đối tượng tu học của tất cả Thanh Văn, có thể đối với ba nghiệp thân ngữ ý hiện hành thanh tịnh, có thể xa lìa mọi cấu uế của sự phạm giới.

Hỏi: Bồ tát đã nhập địa thứ ba, nên nói là Tướng gì?

Đáp: Nên nói là bên trong đạt được đạo Xa-ma-tha mạnh mẽ, do đấy nên chứng đắc Trí cảnh sáng tỏ.

Hỏi: Bồ tát đã nhập địa thứ tư, nên nói là Tướng gì?

Đáp: Nên nói là bên trong đạt được đạo Tỳ-bát-xá-na mạnh mẽ, Trí cảnh được kiến lập, có thể thiêu đốt các phiền não. Do đấy nên có thể đối với hết thảy pháp phần Bồ đề hiện có, như chỗ chứng đắc, đều an lập thiện xảo.

Hỏi: Bồ tát đã nhập địa thứ năm, nên nói là Tướng gì?

Đáp: Nên nói là vượt quá tất cả Trí Thế gian, vượt quá Trí của tất cả Thanh Văn, độc giác, nên có thể tiến lên ngộ nhập đạo Cực nan thắng của đế không thể nghĩ bàn.

Hỏi: Bồ tát đã nhập địa thứ sáu, nên nói là Tướng gì?

Đáp: Nên nói là ngộ nhập đạo lý duyên khởi sâu xa, nên đối với tất cả Hành, trụ nơi Tướng chán bỏ, nơi Giới vô tướng luôn trụ nhiều, hướng tới tác ý tư duy.

Hỏi: Bồ tát đã nhập địa thứ bảy, nên nói là Tướng gì?

Đáp: Nên nói là đối với Gia hạnh không có gián đoạn, thiếu sót, nơi cảnh giới vô tướng tác ý, có thể hội nhập cực xa, đối với đạo Gia hạnh đã đạt đến cứu cánh.

Hỏi: Bồ tát đã nhập địa thứ tám, nên nói là Tướng gì?

Đáp: Nên nói là đối với Tác ý của cảnh giới vô tướng, không gia hạnh, không công dụng, đạt được tự nhiên không có dao động. Nơi tất cả tướng đạt được tự tại, nên trụ nơi địa thanh tịnh.

Hỏi: Bồ tát đã nhập địa thứ chín, nên nói là Tướng gì?

Đáp: Nên nói là đối với Danh thân, Cú thân, Văn thân đạt được tự

tại. Lại đạt được Huệ vô tội, rộng lớn vô lượng. Lại chứng đắc vô ngại giải lớn rộng, nên có thể làm vui thích tâm của tất cả chúng sanh, gọi là đại Pháp sư.

Hỏi: Bồ tát đã nhập địa thứ mười, nên nói là Tướng gì?

Đáp: Nên nói là đã đạt được sự an nhiên tự tại lớn đồng với tất cả Như Lai. Đã đạt được đại Pháp thân như mây. Đã chứng đắc hết thấy đại thần thông, cũng gọi là Như Lai.

Hỏi: Bồ tát đã nhập địa Như Lai, nên nói là Tướng gì?

Đáp: Nên nói tức Pháp thân đã được chứng đắc ấy lại khéo thanh tịnh, thành tựu viên mãn tốt cùng, Trí kiến thanh tịnh, vĩnh viễn xa lìa tất cả loại Phiền não chướng cùng sở tri chướng.

Hỏi: Nơi các địa ấy, tạo tu như thế nào?

Đáp: Hoặc các Bồ tát trụ nơi địa Hành Thắng giải, dựa nơi mười địa tu mười pháp hành.

Hỏi: Nơi các địa ấy, chứng đắc như thế nào?

Đáp: Hoặc các Bồ tát chứng nhập chánh tánh ly sanh của Bồ tát, lại chứng đắc ý lạc thanh tịnh, bấy giờ tức thì chứng đắc tất cả các địa.

Hỏi: Những gì gọi là Đăng lưu của các địa?

Đáp: Trong tất cả địa, chứng đắc các đạo Gia hạnh trở về sau với các uy đức hiện có.

Hỏi: Nơi các địa ấy, thế nào là thành tựu viên mãn?

Đáp: Hoặc các Bồ tát ở trong mỗi mỗi địa của các địa kia, trải qua vô lượng trăm ngàn đại kiếp, theo chỗ xứng tán uy đức của các địa, đối với uy đức ấy, tự nhiên có thể chứng đắc.

Hỏi: Như nói năm thứ nhập chánh tánh ly sanh. Ở đây, Thanh Văn nhập chánh tánh ly sanh, hoặc Bồ tát nhập chánh tánh ly sanh, cùng nơi Pháp giới thông đạt như thật. Nên biết hai thứ ấy có sai biệt như thế nào?

Đáp: Lược nói về Pháp giới có hai thứ tướng:

1. Tướng sai biệt.

2. Tự tướng.

*Tướng sai biệt:* Nghĩa là Tướng thường trụ cùng Tướng Tịch tĩnh.

- Tướng thường trụ: Là Pháp tánh xưa nay không sanh cùng Pháp tánh vô tận.

- Tướng Tịch tĩnh: Là Pháp tánh lìa mọi trói buộc của phiền não khổ.

*Nói Tự tướng:* Nghĩa là ở trong tất cả pháp thuộc về Tướng, Danh, Phân biệt, Chân như, Chánh trí, do tự tánh của Biến kế sở chấp, nên tự

tánh không phải là tánh vô ngã của pháp thành thật. Trong đây, Thanh Văn do tướng sai biệt để thông đạt Pháp giới, nhập chánh tánh ly sanh, không do Tự tướng để thông đạt. Vì tướng không ẩn mất và tướng An ổn, nên ở trong Pháp giới đạt được Tịch tĩnh, đối với tất cả Hành hoàn toàn phát khởi tướng chán bỏ. Lại không thể đối với Tướng kia cùng chỗ gồm thâu tánh của các pháp, không thành pháp thật, để nhận biết rõ đúng như thật về tánh vô ngã. Tức chỉ ở trong định của Pháp giới ấy, do tác ý sai biệt duyên nơi Pháp giới. Tâm vô tướng chuyển, không phải do tác ý duyên nơi Tự tướng kia. Hoặc lại nhân nơi người khác đã tuyên thuyết về tự tướng của Pháp giới, nghe rồi một phần hồi hướng về Bồ đề Thanh Văn, gian khổ cực đại, sau đấy mới ngộ nhập. Đã nhập được rồi thì tinh tấn tu tập. Một phần thì hoàn toàn là Thanh Văn thủ chứng, hết sức gian khổ mới có thể ngộ nhập chút ít, nhưng không nhập rồi tinh tấn tu tập.

Hoặc các Bồ tát cùng do hai Tướng thông đạt Pháp giới, nhập nơi chánh tánh ly sanh của Bồ tát. Nhập ly sanh rồi, phần nhiều an trụ, tác ý duyên nơi tự tướng của Pháp giới. Vì sao? Vì do đối với Pháp giới, lúc tác ý nhiều, duyên nơi tướng sai biệt thì mau chóng hướng tới Niết-bàn, trụ nhiều nơi ấy thì đối với đạo quả chánh đẳng chánh giác vô thượng, không phải là chánh phương tiện. Nên biết tuy cùng thông đạt Pháp giới, nhưng do nhân duyên này mà có sai biệt.

Hỏi: Như nói ba Luân thanh tịnh của ba đời. Vậy thế nào là ba Luân thanh tịnh của ba đời?

Đáp: Do tự tánh của Biến kế sở chấp, nên đối với các pháp bình đẳng, bình đẳng của quá khứ hiện tại vị lai, lúc dùng Huệ như thật quán xét đúng đắn, ở trong pháp quá khứ hiện tại vị lai không có lưu luyến, trông mong, nhiễm vướng. Đó gọi là ba Luân thanh tịnh của ba đời.

Hỏi: Như trước đã nói về một trăm bốn mươi pháp Bất cộng của Phật. Các Kinh khác lại nói mười tám pháp Phật bất cộng. Như vậy, pháp Phật Nghĩa là an lập như thế nào?

Đáp: Nghĩa là Bí số A-la-hán, các Lộ đã vĩnh viễn dứt hết, mới đi vào xóm làng du hành khát thực. Hoặc có lúc cùng với các thứ voi dữ, ngựa dữ, bò dữ, chó dữ chung đường mà đi. Hoặc đi vào rừng rậm, giẫm đạp quanh vùng gai góc. Hoặc cả hai chân nhảy vượt qua hầm, hào. Hoặc bước vào các nhà cửa phi pháp như thế, bị các “Mẫu ấp” mời dẫn phi lý. Hoặc ở nơi A-lan-nhã từ bỏ đường chánh, đi theo nẻo tà ác. Hoặc cùng với giặc trộm, các thứ dữ như sư tử, chó sói, hổ, báo chung đường mà đi. Những loại như thế, các A-la-hán hiện có lỗi lầm.

Như Lai đối với tất cả những thứ ấy là hoàn toàn không có lỗi lầm. Lại, A-la-hán, hoặc vào một lúc du hành nơi A-lan-nhã, trong rừng có nhiều đại thọ, lạc mất đường đi, hoặc vào nhà trống vắng, lớn tiếng gọi kêu, từ xa đều nghe. Hoặc lại nhân nơi lỗi lầm của Tập khí, tâm không nhiễm ô, nhưng hở môi, lộ răng, cứ như thế mà cười. Các loại như vậy, chư vị A-la-hán hiện có âm thanh bộc lộ. Như Lai đối với các thứ ấy là hoàn toàn không có. Lại, các A-la-hán, hoặc vào một thời, do quên niệm, nên đối với sự việc đã làm mà có mất hết. Như Lai đối với các sự việc như thế hoàn toàn không hề có.

Lại, các A-la-hán, ở trong cảnh giới sanh tử hữu dư y, hoàn toàn phát khởi tưởng chán bỏ, ở trong cảnh giới Niết bàn vô dư y hoàn toàn phát khởi tưởng tịch tĩnh. Như Lai đối với Niết bàn Hữu y kia không có tưởng sai biệt, an trụ nơi xa bình đẳng bậc nhất.

Lại, các A-la-hán nếu nhập nơi đẳng chí, tức gọi là định. Nếu ra khỏi đẳng chí tức không gọi là định. Như Lai thì đối khắp trong tất cả phần vị, Tâm không lúc nào là không định.

Lại, các A-la-hán, không khéo xét chọn mà liền dứt bỏ sự nghiệp đem lại lợi ích cho chúng sanh. Các loại như thế, tức không khéo xét chọn mà liền dứt bỏ v.v..., Như Lai đều hoàn toàn không hề có. Lại, các A-la-hán dựa nơi Sở tri chướng được thanh tịnh, do chưa đạt được pháp không thối thất đối với Dục, Tinh tấn, Niệm, Định, Huệ cùng Giải thoát tri kiến. Bấy thứ pháp thối thất như thế, Như Lai hoàn toàn không có.

Lại, các A-la-hán, hoặc vào một lúc, thân nghiệp thiện chuyển. Hoặc vào một lúc, nghiệp Vô ký chuyển. Như đối với Thân nghiệp, thì Ngữ nghiệp, Ý nghiệp nên biết cũng thế. Như Lai nơi ba nghiệp, Trí tiền hành, Trí tùy chuyển, không có nghiệp Vô ký. Trí phát khởi nên gọi là Trí tiền hành. Trí cùng hành nên gọi là Trí tùy chuyển.

Lại, các A-la-hán, ở trong các sự được nhận biết của ba đời, không thể đột nhiên tác ý liền hiểu rõ, thế nên Trí kiến gọi là có vướng mắc. Không thể đối với tất cả, lãnh hội đúng đắn, trọn vẹn, thế nên Trí kiến gọi là có trở ngại. Như Lai đối khắp cảnh giới của ba đời, đột nhiên tác ý liền có thể hiểu rõ, đúng về tất cả cảnh nơi đối tượng nhận thức có sai biệt. Do đó nói mười tám thứ ấy gọi là Pháp Phật bất cộng.

Ở đây, bốn thứ đầu là Pháp không quên mất cùng nhỏ trừ những thứ thuộc về Tập khí. Một thứ tiếp theo là thuộc về Đại Bi. Phần còn lại nên biết là thuộc về Nhất thiết chủng diệu Trí.

Lại nữa, đức Thế Tôn ở trong các Kinh khác đã nói về Tùy hảo. Vì khiến cho các chúng sinh được hóa độ sinh khởi tin tưởng thanh tịnh,

nên đã hiển thị, nhưng đối với chúng không lập tướng. Về sự an lập các Tướng, như nơi Phẩm kiến lập đã hiển bày rộng. Từ nơi “Tùy hảo” này nên biết phân ra các Tùy hảo kia. Lại nữa, Bồ tát hành tà, Bồ tát hành chánh phải nên nhận biết rõ. Bồ tát hành chánh, với những thắng lợi phải nên nhận biết rõ.

Bồ tát ở trong hành chánh, an lập hành tướng của pháp trụ, hành thiện, hành bình đẳng của hành pháp phải nên nhận biết rõ. Bồ tát có thể sanh khởi thí dụ của tín tịnh phải nên nhận biết rõ. Bồ tát ở trong hành chánh an lập việc tu học phải nên nhận biết rõ. Đối với việc tu học của các Thanh Văn, Bồ tát, có những thù thắng, sai biệt phải nên nhận biết rõ. Ở trong chỗ nên tu học của các Bồ tát, khéo học Trí thế gian xuất thế gian hiện có của Bồ tát nhằm tạo các sự lợi ích cho kẻ khác, phải nên nhận biết rõ. Tức ở trong chỗ chỉ dạy, trao truyền của Bồ tát, Thanh Văn đã học, phải nên nhận biết rõ. Sa-môn không khéo học, phải nên nhận biết rõ. Sa-môn khéo học, phải nên nhận biết rõ. Người trụ nơi Luật nghi thế tục, phải nên nhận biết rõ. Người trụ nơi Luật nghi thắng nghĩa phải nên nhận biết rõ.

Đối với các phương tiện điều phục của Như Lai, phải nên nhận biết rõ. Đối với lời Mật ý phải nên nhận biết rõ. Ở trong chỗ chỉ dạy trao truyền của Tạng Bồ tát, với những thắng giải, thắng lợi, phải nên nhận biết rõ. Như thế là lược nêu phần chỉ dạy trao truyền hiện có trong Tạng Bồ tát.

Thế nào là hành tà?

Nên biết, lược nói càng về sau dẫn phát có tám thứ tướng:

1. Hành tà có thể làm thối chuyển tư lương trí huệ.
2. Hành tà làm thối chuyển tư lương Trí huệ, nên có thể khiến quên niệm.
3. Hành tà do quên niệm nên có thể hủy hoại pháp bạch.
4. Hành tà hủy hoại pháp bạch nên có thể khiến ý ác hiện hành, không phải oai nghi của Bồ tát.
5. Hành tà của ý ác hiện hành nên có thể khiến khó điều phục.
6. Hành tà khó điều phục nên có thể khiến hành nơi phi đạo.
7. Hành tà hành nơi phi đạo nên có thể khiến gần gũi nơi nẻo không hiển thiện.
8. Hành tà gần gũi nơi nẻo không hiển thiện, nên có thể khiến Bồ tát không đúng như nghĩa.

Lại nữa, Bồ đề dùng Huệ làm Thể. Huệ có thể dẫn phát tất cả Ba-la-mật-đa còn lại. Do đó, lúc Huệ khởi hành tà, nên biết Bồ tát đối với



Bồ đề kia cùng khả năng dẫn phát các pháp Bồ đề đều khởi hành tà.

Có bốn thứ pháp có thể khiến cho Tư lương Trí huệ của Bồ tát bị thối chuyển. Đó là:

1. Tự mình không lắng nghe.
2. Không khiến kẻ khác lắng nghe.
3. Sự lắng nghe bị chướng ngại.
4. Điên đảo chấp trước mà có lắng nghe.

Dựa nơi bốn thứ pháp ấy, có thể khiến cho Tư lương Trí huệ bị thối chuyển.

Do bốn pháp này, nên ở trong hiện pháp hoặc nơi hậu pháp, lại sanh bốn thứ pháp trái với Trí. Đó là:

1. Không nhận biết rõ.
2. Các duyên thiếu kém.
3. Có thể sanh giận si, phi phước.
4. Điên đảo.

Do Tự mình không lắng nghe làm chỗ dựa, nên ở trong hiện pháp không nhận biết rõ. Do không khiến kẻ khác lắng nghe làm chỗ dựa, nên ở trong hậu pháp, các duyên luôn thiếu kém. Do sự lắng nghe bị chướng ngại làm chỗ dựa, nên có thể sinh khởi giận si phi phước nơi hậu pháp. Do điên đảo chấp trước mà có lắng nghe làm chỗ dựa, nên ở trong hậu pháp lại thêm điên đảo.

Tự mình không lắng nghe: Là ghét bỏ đối với pháp, ghét bỏ đối với Hữu tình, cùng ghét bỏ cả hai.

Không khiến kẻ lắng nghe: Là do sợ Trí của kẻ khác vượt hơn, do có kiêu ngạo, do sợ kẻ khác khinh chê.

Sự lắng nghe bị chướng ngại: Là phỉ báng nơi pháp cùng Hữu tình. Hối, đối loạn cùng dẫn dắt, nên không khiến thừa thỉnh và chấp nhận, tạo phương tiện chê bai người có thể lắng nghe.

Điên đảo chấp trước mà lắng nghe: Là dựa nơi sự thông đạt nhận hiểu nêu bày xấu ác của mình, chấp trước sự thông đạt nhận hiểu nêu bày thiện, dựa nơi sự khéo thông đạt, nhận hiểu, nêu bày của kẻ khác, chấp trước sự thông đạt, nhận hiểu, nêu bày xấu ác. Ở đây, nếu tự mình không lắng nghe, hoặc không khiến kẻ khác lắng nghe, hoặc sự lắng nghe bị chướng ngại, ba pháp như thế phần nhiều có thể khiến thối mất tư lương trí huệ do Văn tạo thành.

Điên đảo chấp trước mà có lắng nghe, phần nhiều có thể khiến thối mất Tư lương trí huệ do Tư, Tu tạo thành.

Lại nữa, có bốn thứ pháp có thể khiến cho Bồ tát quên mất chánh

niệm. Những gì là bốn? Nghĩa là bốn xứ mê loạn đối với bốn thứ hữu tình:

1. Đối với hữu tình cử tội.
2. Đối với hữu tình giáo hóa, dẫn dắt.
3. Đối với hữu tình muốn tạo lợi ích.
4. Đối với hữu tình có đức.

Nghĩa là, đối với hạng đồng phạm hạnh, là chỗ mê loạn về lỗi lầm của chính mình. Đối với hạng học hiện tiền, là mê loạn về học xứ. Đối với pháp đại thừa kia, người muốn thắng giải, kẻ muốn hành đúng, hiển bày không sai biệt, phân biệt nêu bật các lỗi lầm, mê phát khởi mê loạn về thắng giải, hành đúng. Đối với hữu tình có thể thuyết pháp, là mê loạn về sự làm rõ Mật xứ hiện có.

Lại nữa, có bốn thứ pháp, có thể khiến cho Bồ tát hủy hoại pháp trắng sạch. Nghĩa là cùng với kẻ khác cạnh tranh về lực tăng thượng nên dấy khởi Gia hạnh phi xứ của các pháp trắng. Tuy khởi gia hạnh của nơi chốn pháp trắng, nhưng có ba thứ lỗi lầm của Hành tà:

1. Lỗi lầm của nhiễm chấp.
2. Lỗi lầm của ác kiến.
3. Lỗi lầm của thọ trì.

Do hai nhân duyên, nên biết lỗi lầm của chấp trước:

1. Thọ dụng tà vạy.
2. Nhiều xứ hỗn tạp.

Do hai nhân duyên nên biết lỗi lầm của ác kiến:

1. Hữu tình phỉ báng, bài bác chánh pháp.
2. Đối với không phải chánh pháp thì hiển bày, chấp trước

là chánh pháp.

Do hai nhân duyên, nên biết lỗi lầm của thọ trì:

1. Thọ trì hẹp, nhỏ, chỉ là Kinh không Liễu nghĩa.
2. Đối với các Kinh Liễu nghĩa chưa từng nghe, lãnh nhận

thì càng phỉ báng, bài bác.

Lại nữa, Bồ tát có bốn thứ, là ý ác hiện hành, không phải là oai nghi của Bồ tát:

1. Ý ác hiện hành, đối với bậc đại sư sanh khởi không tin thuận, trái với sự kính học.
2. Ý ác hiện hành, đối với hạng đồng phạm hạnh, thâm nhận, nêu tội người có thể dạy khuyên, phát lộ như thật trái với lỗi lầm của mình.
3. Ý ác hiện hành trái với tinh tấn, ở trong các pháp thiện của

phước trí lớn.

4. Ý ác hiện hành trái với khả năng có thể khiến cho chương ngại của mình được thanh tịnh, ở trong thắng giải sâu xa lớn rộng.

Do ba thứ Tướng nên biết, đối với bậc đại sư, đã sanh khởi không tin thuận. Nghĩa là đối với Hữu thể tôn thắng được Trí. Do ba thứ Tướng nên biết không phát lộ như thật về lỗi lầm của mình:

1. Đối với các Hữu tình được thấu nhận kia, hiển thị tà vọng mình là bậc tôn thắng, nhân đấy phát khởi Tâm kiêu ngạo.

2. Đối với các Hữu tình có thể nêu tội thì che lấp chỗ trái phạm.

3. Đối với các Hữu tình có thể dạy khuyên, nhân họ xua đuổi sức tăng thượng, nên dấy khởi tâm uế trước, tạo sự tổn não.

Do hai thứ Tướng, nên biết là thối mất việc phát khởi tinh tấn đối với các pháp thiện. Nghĩa là đối với các Hữu tình có phước trí lớn, tham ái vướng mắc nơi lợi dưỡng, sự cung kính, cùng vui thích với điều ấy.

Lại nữa, có bốn thứ pháp, có thể khiến cho Bồ tát khó có thể điều phục. Nghĩa là đối với sự tu tập chân chánh, có bốn thứ chương ngại:

1. Đối với sự lắng nghe chấp là cứu cánh.

2. Đối với sự chỉ dạy trao truyền, nhận hiểu sai lầm.

3. Đối với Giới luật, an trụ không đúng đắn, có nhiều hối hận.

4. Đối với tự kiến, an trụ nơi kiến thủ.

Nghĩa là chỉ lắng nghe với Tâm không tịch tĩnh, nên đối với chỗ lắng nghe chấp là cứu cánh. Do đối với sự dạy khuyên, phân biệt điên đảo nên đối với chỗ chỉ dạy trao truyền đã nhận hiểu dựa vào sai lầm. Do đối với Giới luật phần nhiều hành trì thiếu sót, nhưng thọ dụng tín thí nên có hối hận. Cùng với Hữu tình thù thắng dấy khởi tranh chấp, nên đối với tự kiến phần nhiều trụ nơi kiến thủ.

Hữu tình thù thắng: Là thù thắng trong việc điều phục căn cùng đoạn trừ phiền não.

Lại nữa, Bồ tát có bốn thứ, đối với các Hữu tình hành nơi phi đạo:

1. Đối với các Hữu tình chưa an lập sự tin tưởng thanh tịnh, nhưng không vì họ thuyết giảng.

2. Đối với các Hữu tình thuộc Thừa thấp mong cầu đại Thừa, Bồ tát không tùy chỗ thích hợp để có nêu giảng, dẫn dắt.

3. Đối với các Hữu tình thuộc đại Thừa mà mong cầu Thừa thấp, Bồ tát không thuận theo phương thức ấy để có sự nêu giảng.

4. Đối với các Hữu tình trụ nơi Giới cấm, không trụ nơi Giới cấm, tham ái nơi bè nhóm, thuyết giảng không bình đẳng.

Do ba thứ Tướng nên biết đó gọi là an trụ nơi Giới cấm:

1. Hành nghiệp không có lỗi lầm.
2. Thi-la không có thiếu sót.
3. Cung kính pháp đã học.

Do hai thứ Tướng nên biết đó gọi là không trụ nơi Giới cấm:

1. Thi-la thiếu sót.
2. Không cung kính pháp đã học.

Lại nữa, Bồ tát do gần gũi với kẻ không hiền thiện nên thối mất bốn sự:

1. Thối mất nơi Thừa.
2. Thối mất nẻo Gia hạnh trong việc tạo lợi ích cho Hữu tình.
3. Thối mất Thánh giáo.
4. Thối mất việc tu tập các pháp thiện không gián đoạn.

Lại nữa, có bốn thứ, Bồ tát không như nơi nghĩa kia. Đó là:

1. Nhận giữ chánh pháp.
2. Trụ nơi A-luyện-nhã.
3. Siêng tu nghiệp phước.
4. Cai quản đại chúng.

Nghĩa là các Bồ tát muốn khiến người tin phục, tuy nhận giữ chánh pháp, cũng không như nghĩa, không phải như nơi nghĩa kia. Hoặc các Bồ tát vì cầu tiếng khen, tuy trụ nơi A-luyện-nhã, cũng không như nghĩa, không phải như nơi nghĩa kia. Hoặc các Bồ tát tâm chuyên chấp buộc nơi quả có nhiễm, tuy siêng tu nghiệp phước, cũng không như nghĩa, không phải như nơi nghĩa kia. Hoặc các Bồ tát tâm chuyên buộc chấp nơi sự cúng dường, tiếng tăm, tuy cai quản đại chúng, cũng không như nghĩa, không phải như nơi nghĩa kia.

Lại nữa, thế nào là hành chánh? Nghĩa là trái nhau với các tướng trên, lìa lỗi lầm riêng, nêu rõ sự đối trị, nên biết càng về sau sẽ dẫn phát tám thứ hành tướng, đó gọi là hành chánh. Đã nói do tự mình không lắng nghe, khiến Trí thối mất. Ở đây là do nhân duyên gì? Do hữu tình đối với chánh pháp không hiển bày sự cung kính. Do sự hủy phạm ấy, nếu không hủy phạm cũng không thắng giải, thế nên thối mất.

Lại nói, do không khiến nghe nên Trí thối mất. Đây là do nhân duyên gì? Do muốn khiến kẻ khác hiển bày sự tin phục. Vì hủy phạm ấy, giả như không hủy phạm thì hồi hưởng nơi pháp tà, thế nên thối mất.

Lại nói, do sự nghe, lãnh hội bị chướng ngại khiến Trí thối mất. Đây là do nhân duyên gì? Do chỗ hiển bày là không muốn, không nghe,

không thọ trì. Vì hủy phạm ấy, giả như không hủy phạm thì cũng biếng nhác, lười trể, thế nên thối mất. Lại nói, do chấp trước tà vạy mà có lắng nghe, khiến Trí thối mất. Đây là do nhân duyên gì? Do nơi tu hành không thấy công đức, chỉ nghe theo ngôn thuyết, cho là cứu cánh được hiển bày. Vì hủy phạm này, giả như không hủy phạm, thì Trí không thành thật, do đấy nên thối mất.

Lại nói, do nơi người nêu tội mê loạn đối với lỗi lầm của chính mình khiến niệm quên mất. Đây là do nhân duyên gì? Do ở trong sự trọng, sợ hãi bị suy tổn, ở trong sự nhẹ sợ hãi bị quở trách, nên nên đặt vọng ngữ được hiển bày. Do sự hủy phạm ấy, do chướng của nghiệp nên có chỗ quên mất. Nếu không hủy phạm, thì do chướng ngại của sự hủy phạm nên có quên mất.

Lại nói, do mê loạn về Học xứ, khiến niệm quên mất. Đây là nhân duyên gì? Do không phải tự tánh, chuyển theo kiến chấp hư vọng được hiển bày. Vì hủy phạm này, do chướng ngại của nghiệp nên có chỗ quên mất. Nếu không hủy phạm, thì do chướng ngại của sự hủy phạm nên có quên mất.

Lại nói, do đối với đại Thừa, mê loạn nơi Thắng giải, chánh hành, khiến niệm quên mất. Đây là nhân duyên gì? Do nơi Bồ tát không sanh cung kính, ẩn giấu đức thật được hiển bày. Vì sự hủy phạm ấy, do chướng ngại của nghiệp, nên có chỗ quên mất. Nếu không hủy phạm, thì cũng do chướng ngại của sự hủy phạm nên có chỗ quên mất.

Lại nói, do mê loạn nơi xứ mật hiểu, ẩn, khiến niệm quên mất. Đây là nhân duyên gì? Do muốn khiến đối với đại Thừa không sanh vui thích được hiển bày. Vì sự hủy phạm ấy, do chướng của nghiệp nên có quên mất. Nếu như không hủy phạm thì cũng do chướng ngại của sự hủy phạm mà có quên mất.

Lại nói, do Gia hạnh phi xứ, hủy hoại pháp trắng sạch. Đây là nhân duyên gì? Do vui thích với lợi nhỏ hơn của mình, không chuyển, lắng nghe Thừa thấp, Tâm không khiêm tốn đã hiển bày. Do sự hủy phạm ấy, do không thể đạt được các pháp trắng sạch chưa từng đạt, nên đối với chỗ nghe, nhận, sinh ra chậm chạp, tức đối với pháp mình đạt được bị thối chuyển.

Lại nói, do lỗi lầm của Ái nhiễm, hủy hoại pháp trắng sạch. Đây là nhân duyên gì? Do đối với các thứ lợi dưỡng có được lúc đang là tại gia không sanh biết đủ, hiển bày các pháp đối trá có trông mong. Vì sự hủy phạm này, do không lắng nghe pháp chưa được nghe, các hành nghiệp phần nhiều khinh suất, tán loạn, nên đối với Tam ma địa không

thể chứng đắc.

Lại nói, do lỗi lầm của Ác kiến, hủy hoại pháp trắng sạch. Đây là nhân duyên gì? Do mang sẵn ý ác khi nhìn xem kẻ khác, đối với các Thanh Văn đã học đại Thừa, tâm kia đã hiện rõ sự điên đảo. Do sự hủy phạm ấy, do không hành đúng đắn, đã dẫn đến suy tổn. Do đối gạt kẻ khác đã dẫn đến suy tổn. Lại nói, do lỗi lầm của sự thọ trì, hủy hoại pháp trắng sạch. Đây là nhân duyên gì? Do ở trong ý nghĩa sâu xa nơi Trí của Như Lai, khởi kiêu mạn về đẳng giác đã hiển bày. Do sự hủy phạm ấy, do hủy báng chánh pháp nên dẫn đến suy tổn, do ở trong ý nghĩa sâu xa nơi Trí của Như Lai đã suy lường tà vạy nên dẫn đến suy tổn.

Lại nói, do đối với pháp đã học không hết sức cung kính, nên ý ác hiện hành. Đây là nhân duyên gì? Do nơi chỗ trái phạm không phát lộ, không nêu bày để sám hối, không trừ bỏ ố tác đã hiện rõ. Do hiện hành này, do đối với đối tượng duyên có tán loạn, nên hành không rõ ràng.

Lại nói, do hiển bày không như thật về lỗi lầm của mình, nên ý ác hiện hành. Đây là nhân duyên gì? Do đối với thân mạng tài sản có sự luyến tiếc, vui thích với ngôn ngữ không thật đã hiện rõ. Do hiện hành này, do đối với Thánh giáo có sự tán loạn, nên hành không rõ ràng.

Lại nói, do đối với nhân duyên của tinh tấn sinh khởi biếng nhác, nên ý ác hiện hành. Đây là nhân duyên gì? Do không gắng nhẫn chịu đã hiện rõ. Do hiện hành này, do đối với các khổ không thể gắng nhẫn, do đối với các pháp thiện có chỗ tán loạn, nên Hành không sáng rõ.

Lại nói, do nhân duyên của chướng ngại, nên ý ác hiện hành. Đây là nhân duyên gì? Do đối với đại Thừa, không có Thắng giải của ý lạc tăng thượng đã hiện rõ. Do hiện hành này, do đối với Thừa rộng lớn có chỗ tán loạn, nên Hành không sáng rõ. Lại nói, do chỉ lắng nghe về cứu cánh, nên chướng ngại của sự tu tập khó có thể điều phục. Đây là nhân duyên gì? Do chỉ xem thấy chỗ nạn luận đã tránh thoát, thắng lợi nơi sự lắng nghe đã hiện rõ. Do sự hủy phạm ấy nên hiển bày, chỉ rõ chỗ đối trá nơi hàng thiện hữu giữ pháp.

Lại nói, do đối với sự chỉ dạy trao truyền, nhận hiểu không thích hợp, nên chướng ngại của sự tu tập khó có thể điều phục. Đây là nhân duyên gì? Do không gắng thọ nhận giáo pháp, kiên trì đối với chỗ trái phạm, không kính điều được chỉ dạy, trao truyền đã hiện rõ. Do sự hủy phạm ấy, nên hiển bày chỉ rõ, chỗ đối trá nơi hàng thiện hữu trụ nơi A-luyện-nhã.

Lại nói, do nơi Thi-la không an trụ vững chắc, hối hận, nên chướng

ngại của sự tu tập khó có thể điều phục. Đây là nhân duyên gì? Do đối với pháp đã học không gắng cung kính, giả nhận tín thí đã hiện rõ. Do sự hủy phạm ấy nên chỗ đối trá được hiển bày, chỉ rõ nơi việc thiện hữu sinh tu nghiệp phước. Lại nói, do nơi tự kiến an trụ vào kiến thủ, nên chướng ngại của sự tu tập khó có thể điều phục. Đây là nhân duyên gì? Do đối với trụ xứ của các Bồ tát hành Ba-la-mật-đa thanh tịnh, không sanh cung kính, không muốn chiêm ngưỡng, không muốn thân cận, không muốn lắng nghe, không theo pháp hành đã hiện rõ. Do sự hủy phạm ấy, nên chỗ đối trá đã được hiển bày chỉ rõ nơi hàng thiện hữu cai quản chúng.

Lại nói, do không nêu bày rõ, không tùy thuận để nêu bày, không thuận nơi nghĩa để nói, không thuyết giảng bình đẳng, hành nơi phi đạo. Đây là nhân duyên gì? Do trước sau nêu bày chán mệt, Tâm không bình đẳng, đối với chỗ tuyên thuyết không biết phương tiện. Thắng giải về Thừa thấp, tâm có ái nhiễm, dạy khuyên đồ chúng hành Gia hạnh đã hiện rõ. Do sự hủy phạm ấy, do thiện căn không viên mãn, do không thâm nhận thiện căn rộng lớn, do dứt bỏ thiện căn rộng lớn, nên sanh phi phước, đối gạt các loài hữu tình được hóa độ.

Lại nói, do bốn thứ gần gũi hạng không hiển thiện, nên thối mất bốn sự. Đây là nhân duyên gì? Do keo kiệt, tiếc lẫn, ít hiểu biết, không khéo hội nhập Thánh giáo, đối với những lời Phật giảng nói không chịu lắng nghe đã hiện rõ. Do sự hủy phạm ấy, nên không tu tập thiện căn, sợ hãi nơi khổ của sinh tử, đối với sự nghiệp lợi tha không thể tạo tác. Thiện căn, nhỏ hẹp nên ở trong các pháp khởi nghi hoặc, nên có thối mất.

Lại nói, do nơi bốn thứ, Bồ tát muốn cầu sự tin phục, muốn cầu tiếng khen, muốn cầu quả nhiễm, muốn cầu cúng dường, thừa sự, tiếng tăm, là các Bồ tát không như nơi nghĩa kia. Đây là nhân duyên gì? Do cùng Ngã ái, cùng đối với tội vi tế không thấy sợ hãi, cùng với vô ngã kia không phải là thắng giải, cùng không chú tâm đến lợi tha. Đối với sanh tử, Niết-bàn hoàn toàn quán thấy lỗi lầm, công đức, ở trong hiện pháp, vui thích cùng tạp trụ. Đối với đời vị lai ham thích giàu sang, thâm nhận của cải, giáo pháp đã hiện rõ. Do sự hủy phạm này, đối hiện tự thân có thể giữ pháp đúng đắn, cho đến cai quản chúng.

Lại nữa, thế nào là thắng lợi của Hành đúng đắn? Đây cũng có bốn thứ, càng về sau nên biết rõ.

Bồ tát hành đúng đắn như thế, có thể tích tập Tư lương Phước, Trí, dùng đầy làm chỗ dựa, khiến chướng ngại được thanh tịnh. Dùng đầy

làm chỗ dựa, đối với tất cả môn tập thành pháp trắng. Dùng đấy làm chỗ dựa, dấy khởi tất cả thứ gia hạnh, tạo lợi ích cho hữu tình, nên lại có thể sanh trưởng vô lượng phước.

Lại có bốn pháp, có thể khiến tích tập Tư lương Phước, Trí. Đó là:

1. Dựa nơi hành đúng dẫn ấy, cúng dường thừa sự chư Phật Như lai.

2. Văn thanh tịnh.
3. Tư thanh tịnh.
4. Tu thanh tịnh.

Lại có bốn pháp, có thể khiến cho chướng ngại thanh tịnh:

1. Đối với thừa, tự nhiên không động.
2. Đối với các hữu tình, xa lìa nhân duyên không hành tác.
3. Xa lìa nhân duyên của hành tà vạy.
4. Xa lìa nhân duyên khiến hành chánh không viên mãn.

Lại có bốn pháp, có thể khiến cho tất cả môn tập thành pháp trắng:

1. Tu tập các pháp do tu tạo thành.
2. Thành thực hữu tình, tức do tu tạo thành.
3. Gắng nhẫn các sự việc khó, tức do Văn, Tư tạo thành.

Lại có bốn pháp, có thể khiến tạo tác tất cả sự việc đem lại lợi lạc cho hữu tình. Nghĩa là đối với bốn xứ, cứu vớt hữu tình. Đó là:

1. Đối với xứ nghi hoặc, do dự.
2. Đối với xứ hết sức ế tạp xấu ác, hướng tới điên đảo.
3. Đối với xứ tin hiểu theo thừa thấp.
4. Đối với xứ khởi Tâm giận dữ, ghét bỏ Thánh giáo.

Lại nữa, thế nào là Bồ tát ở trong hành chánh, lúc hiện tại chuyển, cũng đạt được công đức thắng lợi như thế? Nghĩa là gồm đủ hành tướng pháp trụ, hành thiện, hành bình đẳng trong pháp hành.

Thế nào là Bồ tát gồm đủ pháp hành? Đây là hành tướng gì? Nghĩa là các Bồ tát, phạm chỗ tu hành không vượt chánh pháp. Thế nên gọi là đầy đủ pháp hành. Nên biết hành này có năm hành tướng:

1. Đối với các hữu tình không tạo lợi ích, thích hành theo hành ác, thương xót thâm nhận, nhằm khiến họ đi vào nẻo thiện.
2. Đối với các hữu tình trụ ngoài chủng tánh, duyên thiếu kém, khuyến họ khiến phát khởi Tâm Bồ đề.
3. Ở trong các pháp Ba-la-mật-đa thù thắng, tự nhận biết rõ.
4. Đối với xứ tôn trọng, phát khởi gia hạnh cung kính, lễ bái.
5. Đối với các hữu tình là ngoại đạo, oán địch, luôn an trụ nơi



Thánh giáo, không nghiêng động.

Thế nào là Bồ tát gồm đủ Hành bình đẳng? Đây là Hành tướng gì? Nghĩa là các Bồ tát, đối khắp tất cả sự việc tạo lợi ích cho Hữu tình, luôn tu hành bình đẳng. Do đấy gọi là gồm đủ Hành bình đẳng. Nên biết Hành này có tám Hành tướng.

1. Đối với các hữu tình luôn thân ái bình đẳng.
2. Đối với các hữu tình, dùng thân không nhiễm ô, không sai biệt, đời không sai biệt, cầu không sai biệt, tâm thân ái bình đẳng an ủi, khuyến dụ.
3. Lìa bỏ những thứ ồn tạp, dung mạo thư thái, vui vẻ, đối với điều đã đảm nhận, luôn có thể hành hóa bình đẳng.
4. Đối với các pháp chưa đảm nhận, đều có thể bình đẳng giữ lấy.
5. Đối với tất cả khổ đều gắng nhẫn bình đẳng.
6. Đối với vô lượng phương tiện điều phục, luôn có thể bình đẳng cầu đạt.
7. Lẫn lượt lại cùng bình đẳng nơi chánh ngữ, nơi ngôn ngữ gắng nhẫn.
8. Tất cả thiện căn đều bình đẳng hồi hướng nơi đạo quả Đại Bồ đề.

Thế nào là Bồ tát gồm đủ Hành thiện? Đây là Hành tướng gì? Nghĩa là các Bồ tát, đối nội, thành thực các pháp Phật, đối ngoại, thành tựu đầy đủ các hữu tình, tu tập hành thiện. Do đó gọi là gồm đủ Hành thiện. Nên biết Hành này có bảy Hành tướng:

1. Không chỗ nương dựa mà hành Huệ thí.
2. Không chỗ nương dựa mà trì giới.
3. Do Tâm thương xót mà tu Nhẫn.
4. Không phải đối với phần ít mà tu Tinh tấn.
5. Vì tạo lợi ích cho các xứ hữu tình nên tu Tĩnh lự.
6. Kiến giải không tương ứng, nên tu diệu huệ.
7. Thành thực phương tiện thiện xảo.

Thế nào là Bồ tát gồm đủ Pháp trụ? Đây là Hành tướng gì? Nghĩa là các Bồ tát không phải chỉ tìm cầu, cho là cứu cánh. Không phải chỉ đọc tụng, cho là cứu cánh. Không phải chỉ tuyên thuyết, cho là cứu cánh. Không phải chỉ Tầm Tứ cho là cứu cánh. Mà ở trong Xa-ma-tha thù thắng của nội tâm tu tập đúng đắn, phát khởi phương tiện siêng năng, tu hành bình đẳng. Thế nên gọi là gồm đủ Pháp trụ. Nên biết Trụ này có mười hai hành tướng:

1. Ở trong chỗ trụ nơi Giới cấm, không trụ nơi Giới cấm, có thể chỉ

dạy, trao truyền, đều không phân biệt.

2. Dùng đậy làm chỗ dựa, cung kính lãnh nhận chỗ đã chỉ dạy truyền trao.

3. Dùng đậy làm chỗ dựa, Thân xa lìa.

4. Dùng đậy làm chỗ dựa, Tâm xa lìa.

5. Dùng đậy làm chỗ dựa, Tác ý tương ứng vượt quá Thừa Thanh Văn. Tác ý tư duy tương ứng với đại Thừa.

6. Dùng đậy làm chỗ dựa, không lìa bỏ gánh nặng đối với các hữu tình, luôn cùng dừng trụ với họ.

7. Dùng đậy làm chỗ dựa, lãnh nhận uy đức nơi quả tu tập tư lương phước trí lớn rộng của thế gian thanh tịnh.

8. Nơi Trí thế gian không cho là biết đủ, để tìm cầu, tu trị Trí xuất thế gian.

Lại, Trí thanh tịnh đoạn trừ bốn thứ lỗi lầm, nên cai quản đại chúng:

1. Lỗi lầm do không thể gắng nhẫn các thứ xúc não.

2. Lỗi lầm do không quyết định nêu bày sự chỉ dạy, trao truyền.

3. Lỗi lầm do chỗ tạo tác không như lời nói.

4. Lỗi lầm của Tâm có ái nhiễm.

Bốn thứ như thế cùng với tám thứ trước hợp thành mười hai Hành tướng.

Lại nữa, thế nào là Bồ tát có thể sinh khởi tịnh tín, nơi các thí dụ hiện có?

Nghĩa là các Bồ tát, từ khi mới phát tâm, thời gian đầu giữa sau, làm chỗ nương dựa cho viễ dẫn phát thiện căn của các chúng sanh, nên đối khắp tất cả hoặc ân hoặc oán, tâm không vướng mắc, cũng như đại địa. Nhưng các Bồ tát không phải như kẻ tầm thường trong đại địa mà chuyển. Chúng sanh nương vào đậy, tự hiện bày công sức mới được sống còn. Nhưng các Bồ tát sinh trưởng thiện căn, tịnh tín hoan hỷ, có thể làm cho tươi thắm cũng như đại thủy. Mà các Bồ tát không phải như đại thủy, cùng với các thứ lúa má được thu hoạch thành thực trái nhau. Vì các Bồ tát muốn thành thực các thiện căn, nên đối với pháp đáng chán bỏ, sanh khởi sự chán bỏ sâu xa, có thể thiêu đốt chúng, nên cũng như đại hỏa. Nhưng các Bồ tát không phải đại hỏa, cùng với các cõi Phật tập hội trái nhau. Vì các Bồ tát có thể khiến cho người thiện căn đã thành thực, dẫn phát, tụ tập xúc đặc giải thoát. Do có thể phát khởi sự chỉ dạy trao truyền đúng đắn, nên ví như đại phong. Nhưng các Bồ tát không phải như đại phong, có thể dẫn phát rồi, chung quy là diệt tận.

Tức các Bồ tát khiến cho pháp trắng của chính mình càng thêm tăng thanh, cũng như trăng sáng. Nhưng các Bồ tát không phải là trăng sáng, chỉ ở nơi phần trắng mới chiếu soi sáng tỏ, còn nơi phần đen thì không. Vì các Bồ tát, về tướng luôn bình đẳng, ở trong phần trắng đen nơi tất cả pháp, Trí đều soi sáng khắp, cũng như vầng mặt trời. Nhưng các Bồ tát không phải là vầng mặt trời sợ A-tu-la-la-hổ-la nắm bắt tức liền xoay chuyển. Vì các Bồ tát, trong tất cả nẻo, hoàn toàn không sợ hãi chỗ nắm giữ, làm xoay chuyển của phiền não, nên ví như Sư tử. Nhưng các Bồ tát không phải như Sư tử vốn khiếp sợ đối với khối đồ vác lớn, nên như Rồng khéo điều phục. Nhưng các Bồ tát không phải như voi quý, nếu gặp phải lợi, suy, lời nói mềm dịu không mềm dịu, hoặc vui hoặc khổ, tức vì đấy mà có nhiễm đắm của yêu thích, giận dữ. Vì các Bồ tát đối với các pháp thế gian không bị nhiễm đắm theo sự yêu thích, giận dữ, nên như Hoa sen hồng. Nhưng các Bồ tát không phải như Hoa sen hồng, đã bị đoạn cành rồi thì không sanh trưởng nữa. Vì các Bồ tát, tuy đã chế ngự phiền não, do chỗ nhận giữ nơi sức của thiện căn, nên lại sanh trưởng ở trong sanh tử, cũng như đại thọ gốc chưa tổn hoại. Nhưng các Bồ tát không phải như đại thọ, gốc vào thời gian sau nhất định sẽ bị tổn hoại. Vì các Bồ tát, với thiện căn hiện có, hồi hướng nơi đại Bồ đề Niết-bàn, nên ví như các dòng sông chảy vào biển cả. Nhưng các Bồ tát không phải như các dòng sông chảy vào biển cả, tức thành tánh của Biển. Vì các Bồ tát nương dựa nơi Niết-bàn cùng đại Bồ đề, với diệu lực của các thiện căn, nên hiển bày diệu dụng, cũng như chư Thiên dựa nơi núi Tô-mê mà trụ. Nhưng các Bồ tát không phải như chư Thiên trụ nơi Tô-mê-lô, ở trong sự việc của mình chuyên hành phóng dật, thọ nhiều hoan lạc. Vì các Bồ tát, với phương tiện Bát nhã đã thâm giữ, nên thành tựu đầy đủ mọi hành tác của chư Phật, nên ví như quần thần giúp sức đại vương. Nhưng các Bồ tát không phải như quần thần giúp sức đại vương, vì lợi ích của chính mình nên bảo hộ người trong nước. Vì các Bồ tát không chú trọng đến lợi mình, thâm giữ che chở chúng sinh cũng như vầng mây lớn. Nhưng các Bồ tát không phải như vầng mây lớn, không thể thành tựu rốt ráo đối với lúa má được thu hoạch. Vì các Bồ tát sanh trưởng các pháp Bồ đề phần một cách rốt ráo, nên như chuyển Luân vương xuất hiện ở đời. Nhưng các Bồ tát không phải như Luân vương không có chúng đại trượng phu thứ hai. Vì các Bồ tát giải thoát bình đẳng, thiện căn sanh khởi nhiều đồng xuất hiện, như báu Mạt ni. Nhưng các Bồ tát không phải như ngọc báu Mạt-ni, cùng với Ca-lý-sa-bát-noa hết sức không tương tự. Vì các Bồ tát nhập nơi cảnh giới vô lậu,

mọi hành tác bình đẳng, thọ lạc bình đẳng, nên ví như chư Thiên đã vào Rừng tạp. Nhưng các Bồ tát không phải như chư Thiên đã vào rừng tạp, phiền não tăng trưởng, đương lai sẽ bị thối, đọa. Vì các Bồ tát đã chế ngự các phiền não, không có thối, đọa, các phiền não hiện có, như các thứ độc đã được chú thuật hàng phục. Nhưng các phiền não hiện có của các Bồ tát, không phải như các độc đã bị chú thuật chế ngự, chỉ không bị hại, lại không có các đức khác. Vì các Bồ tát, do phiền não của mình có thể tạo ra lợi ích cho chúng sanh. Nên phiền não này, như các đồng phân ố trong thành lớn. Công đức hiện có của Bồ tát như thế, phần thô đồng với các sự việc cùng được nhận biết của thế gian nên được làm dụ. Nhưng công đức ấy do thù thắng nên không có thí dụ. Vì thế nên biết, công đức của Bồ tát, tất cả thí dụ đều không thể đạt đến.

